



Chìm-Nổi-Giạt-Trôi Trên Dòng Sông Lịch Sử Quê Hương Vũ Huy Thám

Chương 3

Đi học trong vùng kháng chiến ở Liên Khu Việt Bắc

Trường Sơ Cấp làng tôi bị đóng cửa ngay sau ngày Nhật đảo chánh Pháp (09-03-1945). Ít ngày sau đó, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim được thành lập, nên dân làng tôi hy vọng chính phủ của cụ Trần sẽ cho mở cửa lại Trường Sơ Cấp làng tôi vào những ngày sắp tới. Song việc mong đợi của dân làng tôi bị chìm vào quên lãng vì các biến cố quan trọng của đất nước đã liên tiếp xảy đến. Biến cố đầu tiên là nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945) những người khách không mời, quần áo không đến nổi rách rưới nhưng thân hình gầy còm như que củi, từ miền xuôi kéo đến làng tôi để xin ăn. Sáng sáng, ít nhất cũng có vài ba người chết nằm ngay bên thềm đình, hay trong nhà lồng chợ, hoặc trước cửa trường học.

Nạn đói vừa lắng xuống, thì nạn lụt lại ập đến; nước sông Hồng dâng cao chưa từng có, khiến nhiều khúc đê dọc theo sông Hồng bị vỡ, nước tràn ngập quê tôi. Hàng ngàn ngôi nhà, và hàng vạn mẫu lúa mùa bị nhận chìm trong biển nước đỏ ngầu. Hy vọng mở cửa lại trường sơ cấp làng tôi lại một lần nữa bị dòng nước lũ của sông Hồng cuốn ra biển Đông. Nước chưa kịp rút đi thì Việt Minh lại nổi lên cướp chính quyền. Tỉnh Phú Thọ của tôi được coi là quê hương của Việt Nam Quốc Dân Đảng, nên họ cũng nổi lên giành chính quyền tại một số làng xã và một số thị trấn, thế là một cuộc đụng độ đẫm máu giữa đôi bên bùng nổ. Sự hận thù giữa Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Minh không còn là những tiếng chửi rủa qua lại nữa, mà được cụ thể hoá bằng những xác chết trôi lều bều trên mặt sông. Nhìn những xác chết trôi ấy, người ta không thể phân biệt được xác nào là Việt Minh, xác nào là Quốc Dân Đảng, và xác nào là thường dân vô tội; song có một điều, mà không một ai có thể chối cãi được là, các xác chết ấy đều là con Rồng cháu Tiên cả.

Trong khi “**Đoàn quân Việt Minh đi chung lòng cứu quốc**” của cụ Hồ vẫn chưa đứng vững được trong lòng người dân Việt, thì “**Đoàn Quân Tàu Ô đi sao mà góm thế**” của cụ Tưởng Giới Thạch từ Trung Quốc tràn sang miền Bắc để tước khi giới quân đội Phù Tang. Đoàn quân Tàu này thật sự là một đoàn quân ô hợp, quần áo rách rưới, chân không giày, dắt díu theo vợ con, khi tới làng nào chúng cũng xông vào nhà dân để xách nhiễu và cướp giạt. Những biến cố cứ tiếp tục dồn dập như thế, khiến đời sống dân chúng vùng quê tôi hết sức khốn đốn, dân làng trong vùng quê tôi hầu như không thể an cư nên làm sao có thể lạc nghiệp được, còn nói chi đến việc mở cửa lại trường học cho bọn con nít chúng tôi.

Ngay trong lúc còn đang nhiều nhượng như thế nhờ cướp được chính quyền, Việt Minh đã cho thực thi chính sách “trăm năm trồng người” của ông Hồ. Thế là bọn con nít chúng tôi được gom vào một tổ chức được gọi là “**Nhi Đồng Cứu Quốc**”. Ngôi trường sơ cấp làng tôi được mở cửa lại, nhưng không phải để bọn trẻ con chúng tôi được thầy giáo dạy:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

mà là để các anh phụ trách thiếu nhi dạy chúng tôi:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Bác Hồ hơn cả mẹ cha
Mênh mông trời biển, bao la biển trời”*

và dạy hát:

*“Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng
Bác chúng em đáng cao cao người thanh thanh....”*

Trong một chừng mực nào đó người ta có thể nói ông Hồ và đảng CSVN đã thành công lớn trong việc giáo dục nhồi sọ bọn con nít chúng tôi. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, hễ há miệng ra là chúng tôi hát: “*Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng...*” hình ảnh cha mẹ thân yêu cứ mờ nhạt dần đi, và hình ảnh bác Hồ càng ngày càng đậm nét hơn lên trong đầu bọn con nít chúng tôi.

Vào những ngày đầu Cách Mạng Tháng Tám, đối với bọn con nít chúng tôi, ông Hồ như một “*Cây Đại Thụ*” cao ngất trời xanh, toả bóng rợp trời mát rượi cho tất cả các cháu nhi đồng giữa những buổi trưa hè nóng nực. Chúng tôi thường nghĩ, dường như bác không phải là con người phàm tục, mà là một vị thánh nhân, mỗi lời nói, mỗi bước chân đi, mỗi cử động đứng ngồi của Bác đều được chúng tôi trân quý. Giả thử Bác có xúi bọn nhi đồng chúng tôi ăn cứt gà đi nữa, chắc không có đứa nào dám từ chối. Chiều chiều chúng tôi vác súng gỗ, đeo gươm cây vừa đi vừa hát trên con đê ngăn cách làng tôi với sông Hồng:

*“Một hai ta đi một hai
Liều thân cho nòi giống
Việt nam mau giải phóng
Tiến lên, tiến lên quân hồng
Nhà ta không cần lo
Đời ta không cần tiếc...”*

Cho tới tháng 12 năm 1946, khi ông Hồ và chính phủ của ông rút ra khỏi thủ đô Hà Nội thì việc cho mở cửa lại các trường học ở vùng quê tôi lại một lần nữa được ông mang theo vào chiến khu, trong vùng rừng núi âm u, thuộc tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang. Sau khi đã làm chủ thủ đô Hà Nội, quân đội Pháp đã từng bước, từng bước nhanh chóng tiến chiếm Sơn Tây, Trung Hà và toàn bộ khu vực rộng lớn ở hữu ngạn sông Hồng và sông Đà, rồi vượt sông Đà tiến chiếm Hưng Hoá, Thác Gềnh v.v.,v... Một vùng rộng lớn phía tả ngạn sông Hồng khiến nhiều làng nằm trong vùng cực nam của huyện Lâm Thao, trong đó có làng tôi, trở thành tiền tuyến đối diện với các đồn binh của Pháp phía bên kia sông Hồng.

Mãi cho đến tháng 10 năm 1950, khi chiến dịch Cao Bắc Lạng được mở, và hệ thống đồn bót của quân đội viễn chinh Pháp dọc theo quốc lộ 4 bị tiêu diệt, hàng ngàn lính Pháp bị bắt làm tù binh, trong số này có hai viên đại tá Lepage và Charton. Sự thất bại ở Cao Bắc Lạng đã làm cho một số đồn bót của Pháp trong vùng cực nam của tỉnh Phú Thọ đã tự động tháo chạy và co cụm lại để củng cố hành lang phía bên kia sông Hồng thuộc tỉnh Sơn Tây. Cho tới lúc này, Ty Giáo Dục tỉnh Phú Thọ mới cho mở cửa lại các trường tiểu học ở vùng quê tôi. Trường cấp I xã Hùng Tiến của tôi, được mở cửa lại vào dịp này, nhưng vì không có đủ giáo viên, nên chỉ mở các lớp I, II và III mà thôi, vì thế các học sinh trong làng đã học hết lớp III trước năm 1945, trong đó có kẻ viết bài này, muốn học lớp 4 phải tìm đến các trường cấp I có lớp IV ở các làng khác trong vùng. Trường cấp I duy nhất có lớp 4 trong vùng quê tôi lúc bấy giờ là trường Dục Mỹ tại làng Dục Mỹ

Các lớp học của trường tiểu học Dục Mỹ thường bắt đầu vào 6 giờ chiều, khi máy bay của Pháp không còn khả năng hoạt động nữa, và kéo dài tới 11 hay 12 giờ đêm. Từ làng tôi, làng Bản Nguyên, tới làng Dục Mỹ, nếu tính theo đường chim bay chỉ độ 4 cây số là cùng, song không thể đi theo đường thẳng được, mà phải đi vòng cung qua những cánh đồng và đặc biệt phải đi xuyên qua một làng rộng lớn gồm 5 thôn hợp lại, gọi là Ngũ Xã, tức làng Thạch Cáp.

Vào mùa khô, đường tuy xa đến 7 hay 8 cây số, song việc đi lại còn tương đối dễ dàng, nhưng vào mùa mưa, những lối đi trong làng Ngũ Xã lầy lội khủng khiếp, nhiều đoạn bùn lầy lên đến đầu gối. Sau những trận mưa lớn, có những khúc đường ngập nước khá sâu đến nỗi chúng tôi phải “*thoát y vũ*” để lội qua và để giữ cho quần áo không bị ướt khi bước vào lớp học. Lúc đi, mặt trời mới gác non đoàn nên không gặp khó khăn nào đáng kể cả, song lúc trở về, trời đã quá nửa khuya, các lối mòn quanh co trong làng Thạch Cáp bị cây cối che phủ tối đen như mực, nên phải mò mẫm đi từng bước một. Có nhiều đêm khi về tới nhà, chưa kịp rửa chân đi ngủ, đã nghe thấy tiếng gà gọi sáng trời lên từ một ngôi nhà nào đó trong xóm.

Lớp 4 trường Dục Mỹ được đặt trong gian tiền đường của ngôi đình của làng này, và đã khai giảng cả tháng trời trước khi tôi nhập học. Buổi tối đầu tiên bước vào lớp học tôi thấy các học sinh đến trước đã ngồi gần kín các dãy bàn ghế trong gian tiền đường. Trước mặt mỗi học sinh là một đĩa đèn dầu, tim đèn là một cọng bấc nhỏ, nhô lên khỏi mép chiếc đĩa đầy dầu thực vật đang cháy leo lét. Đây là một loại đèn, có từ thời kỳ đồ đá

hay đồ đồng, hoặc là vào thời kỳ vua Hùng dựng nước, đã có một thời gần như biến mất, nay được lôi ra dùng lại. Bên cạnh tấm bảng đen, cũng có một chiếc đèn tương tự, song lớn hơn và tương đối sáng hơn. Tôi và một vài học sinh khác có được một loại đèn “văn minh” hơn đó là đèn Hoa Kỳ thấp bằng dầu Tây, vì phải mang đi mang về mỗi ngày trên một quãng đường dài hàng chục cây số, nên trong bình chứa dầu chúng tôi nhét đầy bông gòn cho dầu hồi không bị sóng sánh tràn ra ngoài.

Vì “*xếp bút nghiên theo việc chăn trâu*” khá lâu rồi, nên ngày đầu bước vào lớp học, tôi ngơ ngáo như Mán lạc xuống đồng bằng. Ít phút sau khi đã tìm được một chỗ ngồi ở cuối lớp, tôi thấy có một người khá thấp từ bên ngoài bước vào, và thấy mọi người trong lớp vội vàng đứng lên đón chào, tôi cũng đứng theo, và nghĩ có lẽ đó là thầy giáo mới của tôi. Ngay sau đó ông ta bước ngay tới tấm bảng đen, và bắt đầu giảng bài “*Khái Niệm Phân Số*.”

Học lớp IV trường Dục Mỹ được vài ba tháng thì Ty Giáo Dục và Bình Dân Học Vụ tỉnh Phú Thọ bổ nhiệm một giáo viên mới tốt nghiệp trường sư phạm về xã Hùng Tiến của tôi để mở và dạy lớp IV. Thế là các học sinh trong làng tôi và các làng kế cận, đang theo học lớp IV ở các trường khác trong vùng, kéo nhau về trường làng tôi học cho tiện. Lớp 4 mới của xã Hùng Tiến chỉ có hơn 20 học sinh, cũng tiếp tục học vào ban đêm, trong một căn nhà lá khá rộng rãi của một người dân trong làng. Căn nhà này nằm giữa một vườn chuối khá rộng được bao bọc bởi hàng rào tre với một đường mương khá sâu. Nếu bị pháo kích bất ngờ, đường mương này sẽ là nơi trú ẩn cho lũ học sinh chúng tôi.

Buổi học thường bắt đầu vào lúc 5 giờ chiều ngoài vườn chuối, và khi trời tối hẳn mới vào nhà thắp đèn học tiếp. Ngồi trong lớp học, đôi khi học sinh nghe thấy tiếng xé gió rừng rợn ngay trên đầu của những viên đạn đại bác 105 hay 155 ly từ đồn binh Pháp ở Trung Hà bắn tảo thanh vào một vùng nào đó dọc theo sông Hồng. Tiếng đạn bay làm át cả tiếng thầy giáo giảng bài. Học hành dưới những làn đạn đạo như thế được hơn bốn tháng, thì niên học kết thúc và các học sinh lớp 4 chúng tôi lại phải “lều chõng” đi thi vào lớp 5 trường cấp II Xuân Huy.

Trường Phổ Thông cấp II Xuân Huy là trường cấp II duy nhất của huyện Lâm Thao, cách làng tôi khoảng 20 cây số đi theo con đê chạy vòng vo dọc theo sông Hồng. Tên trường được lấy theo tên mới của làng Sơn Lũng. Nghe tên Sơn Lũng, là người ta có thể hình dung gần đúng được hình thể và địa thế của xã này. Phần chính của làng Sơn Lũng còn tương đối bằng phẳng, song phần sau làng là một vùng đồi núi chập chùng. Mỗi ngọn đồi có diện tích khoảng một cây số vuông, mà chỉ có 4 hay 5 căn nhà với cây cối um tùm và loại cây được thấy trồng nhiều nhất trong khu đồi núi này là cây cọ, lá của nó được dùng để lợp nhà. Những căn nhà tư nhân ở nơi đây, tuy lợp bằng lá cọ, song đều khang trang và rộng rãi, nên việc đặt các lớp học tương đối thuận lợi.

Từ bờ đê sông Hồng rẽ vào một con đường đất xuyên qua một cánh đồng hẹp là vào tới làng Sơn Lũng, rồi theo những lối mòn ngoằn ngoèo dưới chân những nương sơn mới tới được trường Xuân Huy. Các lớp học cũng như văn phòng của trường đều đặt trong những căn nhà mượn của dân chúng. Văn Phòng trường chỉ có vài ba cái bàn và ghế đơn sơ, và một ông thư ký già bao giằn tất cả các công việc giấy tờ. Mang tiếng là văn phòng của một trường trung học cấp II duy nhất của một huyện lớn, huyện Lâm Thao, mà không có được một cái máy đánh chữ cộc cạch. Công văn, giấy tờ, và sổ sách đều viết bằng tay. Tuy nằm trong khu vực vắng vẻ và có nhiều cây cối, nhưng vẫn học vào ban đêm, dưới những ngọn đèn leo lét.

Đời sống của các giáo sư trường Xuân Huy trong thời gian kháng chiến rất kham khổ, lương tháng là phiếu gạo của Ty Giáo Dục và Bình Dân Học Vụ tỉnh Phú Thọ cấp phát. Tùy theo số người trong mỗi gia đình mà số gạo lãnh được nhiều hay ít. Mỗi đầu người lớn được cấp 18 kilô gạo và trẻ em 13 kilô gạo một tháng, gia đình nào đông con mới được trên một tạ gạo (100 kilô) mỗi tháng. Đó là lương cơ bản, ngoài ra mỗi năm còn được cấp phiếu mua vài theo tiêu chuẩn mỗi người 4 mét và vào dịp lễ lớn hoặc tết Nguyên Đán mới có tiêu chuẩn phụ trội mua vài ba kilô đường và vài ba kí lô thịt lợn. Nếu giáo sư nào có gia đình khá giả, lâu lâu được tiếp tế còn dễ thở hơn một chút; còn giáo sư nào chỉ trông cậy vào mấy kilô gạo của Ty Giáo Dục thì chỉ có “*ngày hai bữa cơm rau với cà*”. Có lẽ vì ăn uống quá thiếu thốn, nên hầu như không có vị giáo sư nào của trường Xuân Huy trông có “máu mặt” cả.

Giáo sư Tinh, dạy Pháp văn, người làng Phùng Nguyên cùng huyện Lâm Thao, vì gia đình là địa chủ và vào thời gian ấy chưa bị lôi ra đấu tố, nên ăn uống tương đối đầy đủ và được coi là người hồng hào nhất hay có

“máu mặt” nhất trường. Đặc biệt ông ta được gia đình mua cho một chiếc xe đạp, hiệu Sterling mới tinh, từ trong vùng Pháp kiểm soát mang ra. Sự xuất hiện của chiếc xe đạp này được coi là hiện tượng bất thường, làm xôn xao dư luận trong giới giáo sư và học sinh cũng như dân chúng trong vùng. Hầu như mọi người đều ước ao chính mắt mình được nhìn thấy, hoặc chính tay mình được sờ mó vào chiếc xe đạp, cho thoả mãn sự thèm khát của thị giác cũng như xúc giác đã bị “bưng bít” trong nhiều năm trời. Vì sự hiện diện của chiếc xe đạp, mà giáo sư và học sinh đã đến nhà trọ của giáo sư Tinh để thăm ông nhiều hơn. Đến thăm, có lẽ không phải vì có cảm tình sâu xa với ông, mà chỉ vì muốn được ngắm chiếc xe mới toanh của ông thôi. Được bóp vào chiếc chuông mạ kền sáng loáng, và được nghe tiếng kêu “kính coong, kính coong” phát ra là coi như được nghe tiếng dội lại từ quá khứ xa xưa, hay tiếng ước vọng của một tương lai xa vời.

Giáo sư Định người làng Sơn Lũng, người to lớn và mũi cao trông như Tây lai, nguyên là một sĩ quan trong Quân Đội Nhân Dân, nhưng lại xuất thân từ thành phần địa chủ, nên bị cho về vườn và may mắn có một chút vốn học thức nên xin được một chân dạy học. Ông thường kể cho bọn học sinh chúng tôi nghe về thời kỳ “vàng son” của ông khi còn đi học dưới thời Pháp thuộc, ông cho biết vào thời gian ấy việc ăn sáng với bánh Tây (bánh mì) thịt nguội, và ăn cơm tối với thịt bò bí-tết là chuyện rất thường tình. Khi nói về chuyện ăn uống xa xưa, tôi thấy “cục bấu” nơi cổ ông chuyển động lên xuống một cách liên tục. Ông cũng tâm sự với chúng tôi là, hiện tại ít khi ông được ăn no, dù là cơm độn với sắn (khoai mì) hay ngô (bắp), vì phải nhường cho các con đang lớn của ông. Sau khi kể chuyện, ông không quên dặn dò bọn học sinh chúng tôi không nên nói lại chuyện này với các giáo chức khác, vì e ngại có thể bị phê bình và kiểm thảo.

Các học sinh của trường cấp II Xuân Huy, phần lớn là con em của các gia đình nông dân trong huyện Lâm Thao và các huyện lân cận. Những học sinh ở xa trường dưới 10 cây số thường đi về hàng ngày, nếu gặp những đêm mưa to, gió lớn thì ghé nhà bạn bè ngủ nhờ hay ngủ ngay tại trường. Còn những học sinh ở những làng mạc xa hơn như làng tôi, thường phải trọ học trong những nhà người dân quanh trường; mỗi tuần, hay hai tuần lại cuộc bộ về gia đình một lần để lấy gạo, và mắm muối.

Niên học trong vùng kháng chiến được gói gọn vào từng năm một; có nghĩa là bắt đầu vào tháng Giêng và kết thúc vào tháng 12, mà không còn nằm chằng chằng giữa hai năm như trước kia nữa. Nghỉ hè không còn vào thời gian hoa Phượng nở, mà do sự sắp xếp và yêu cầu của chính quyền địa phương tùy theo nhu cầu thời vụ để học sinh có thể giúp đỡ gia đình trong công việc đồng áng. Nghỉ hè không có nghĩa là để cho học sinh nghỉ ngơi dưỡng sức sau những ngày học tập nhọc nhằn, mà là cơ hội đặc biệt để “được” tham gia lao động và hiểu được ý nghĩa sâu xa của khẩu hiệu “Lao Động Là Vinh Quang”. Ngoài vụ nghỉ hè, nhà trường cũng thường thể theo lời yêu cầu cả chính quyền địa phương cho học sinh nghỉ học một hay hai ngày hoặc nhiều hơn nữa để trực tiếp tham gia các công tác có tính chất khẩn thiết tại địa phương, như đắp đê, diệt sâu bọ phá hoại mùa màng, tham gia những buổi đấu tố địa chủ, vận chuyển gạo tiếp tế cho chiến trường v.v.,v...

Vào đầu vào năm 1953 chương trình Cải Cách Ruộng Đất được ông Hồ và đảng CSVN phát động, nên sự phân biệt thành phần xuất thân của học sinh ở trường học cũng bắt đầu được hình thành. Các giáo viên, ban hiệu đoàn, và đoàn thanh niên bắt đầu nâng đỡ và đề cao các học sinh xuất thân từ thành phần bản cổ nông và lạnh nhạt hẳn với các học sinh xuất thân là thành phần phú nông, địa chủ. Mỗi khi có tuyển chọn học sinh cho một ngành công vụ nào đó thì các học sinh thuộc thành phần con cái bản cổ nông được ưu tiên và các học sinh là con cái địa chủ đều bị loại ra ngoài dù học giỏi và hạnh kiểm tốt.

Vào khoảng giữa niên học 1952, Tỉnh Đoàn Thanh Niên Phú Thọ phối hợp với các đoàn Thanh Niên Cứu Quốc của các trường trung học trong tỉnh tổ chức một khóa học cải tạo tư tưởng đặc biệt dành cho học sinh. Thành phần tham dự khóa học là các học sinh từ các Hiệu Đoàn và Đoàn Thanh Niên Cộng Sản của các trường trong tỉnh Phú Thọ chọn lựa và đề cử. Khóa học đặc biệt này được tổ chức ngay tại trường trung học cấp III Hùng Vương và trường này cũng là trường cấp III duy nhất của tỉnh Phú Thọ. Trong khóa học sau những bài thuyết trình và đã thông tư tưởng của những nhân vật lãnh đạo là những giờ đào sâu suy nghĩ và tự kiểm thảo bản thân của học viên. Trong giờ tự kiểm thảo và suy tư, có nhiều học sinh còn rất trẻ và hầu như chưa từng ra khỏi nhà, đã thành thật tự khai là trong quá khứ đã có đầy đủ những tư tưởng phản động chống phá cách mạng. Vì ý thức được sự sai trái của mình, nên các học sinh này tự phê bình và kiểm thảo trong những cơn mưa nước mắt. Càng bộc lộ được nhiều tội lỗi bao nhiêu, thì càng được đánh giá là thành khẩn và tiến bộ nhiều bấy nhiêu!

Một học sinh được bầu là “chiến sĩ học tập” trong khóa học này là anh Bùi Ngọc Đào, người làng Kinh Kệ, kể

cận với làng Bản Nguyên của tôi. Trong bài tự kiểm thảo, anh Đào đã tự thú là đã có rất nhiều tư tưởng phản động chống lại đảng và chống lại nhân dân; anh Đào vừa đọc bài viết tự kiểm thảo của anh vừa khóc trước hàng trăm các học viên khác vì hối hận. Cuối khoá học tập anh Đào được tuyên tuyên dương là chiến sĩ học tập xuất sắc và được lãnh nhiều bằng khen thưởng.

Vào cuối năm 1954, đội Phát Động Cải Cách Ruộng Đất được phối trí về hoạt động tại vùng quê tôi cũng là quê anh Đào. Thân phụ anh “Chiến Sĩ Học Tập” Bùi Ngọc Đào là ông Bùi Ngọc Bích, nguyên là giáo viên hiền lành và tốt bụng trước năm 1945 và cũng là Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến xã Xứ Nhu bị xếp vào thành phần địa chủ Phản Động Đại Gian Đại Ác. Ông Bích đã thất cổ tự tử trước khi được đem ra pháp trường đấu tố và anh Đào bị kết án tù vì tội toan cướp súng chống lại nông dân. Nghe nói sau đợt sửa sai, anh Đào được tha về, và gia đình được phục hồi một phần danh dự. Nhưng rất tiếc không có cách chi mà Bác và Đảng sửa sai để cho ông Bùi Ngọc Bích có thể sống lại được.

Vào đầu năm 1954, việc đi học của tôi ở trường trung học Xuân Huy bắt đầu gặp khó khăn, tuy đội phát động chưa được bố trí vào làng tôi nhưng chính quyền địa phương đã liệt gia đình tôi vào thành phần địa chủ. Mỗi khi về nhà lấy gạo thường bị nhìn với con mắt không mấy thiện cảm, và đôi khi còn bị hạch hỏi, vì nghi ngờ là lợi dụng cơ hội này để tẩu tán tài sản. Rất may là sau hiệp định Genève, một người bà con ở Hà Nội gửi cho tôi một bộ đồ hớt tóc. Tôi dùng bộ đồ nghề này làm “cần câu cơm” trong thời gian đi học. Vào thời gian đầu việc hành nghề hớt tóc của tôi còn có đôi chút vụng về, nhưng vì thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của tôi, nên các học sinh trong trường âm thầm hỗ trợ. Mỗi ngày, tôi chỉ cần hớt được ba cái tóc là đủ sống; hớt hai cái tóc được 2 ngàn bạc cạ Hồ đủ để mua 2 bát gạo, và cái tóc thứ 3, được thêm một ngàn nữa để mua một bó rau muống và chút ít mắm ruốc. Như thế là, tôi đã qua được một ngày sách đèn dưới bóng cây đại thụ Hồ Chí Minh. Nhờ bộ đồ hớt tóc mà tôi không cần phải về nhà lấy gạo hàng tuần ở gia đình như trước nữa và cũng tránh được con mắt dòm ngó của dân quân du kích làng tôi.

Đường lối giáo dục trong vùng kháng chiến lúc bấy giờ được thực thi theo sự chỉ đạo của ông Hồ là phải làm thế nào để đạt được hai tiêu chuẩn: “HỒNG” và “CHUYÊN”. Hồng có nghĩa là phải thấm nhuần chủ nghĩa cộng sản, còn chuyên là phải thấu hiểu về môn học hay ngành học mà mình theo học. Vì “HỒNG” có thứ tự ưu tiên hơn “CHUYÊN”, nên học sinh đôi khi phải nghỉ học để tham dự các sinh hoạt chính trị ở địa phương. Trong thời gian theo học trường Xuân Huy, tôi đã “hân hạnh” được tham dự một phiên xử của Tòa Án Nhân Dân tàn bạo và man rợ trong đợt Cải Cách Ruộng Đất ở làng Sơn Lũng. Trong phiên xử này, tôi đã chứng kiến tên chánh án Tòa Án Nhân Dân tuyên án tử hình địa chủ Nguyễn Viết Đạo và bản án được thi hành ngay tại chỗ, cũng như việc tịch thu tài sản của hầu hết các địa chủ trong làng, rồi chia tại chỗ cho bần cố nông. Nhìn những địa chủ bị đấu tố và bị giết ở làng Sơn Lũng, tôi không thể không liên tưởng đến bố mẹ tôi và phải chăng đó cũng là điều tất yếu sẽ đến với bố mẹ tôi và gia đình tôi vào những ngày sắp tới. Điều này đã làm cho tôi lo lắng cho một tương lai “đen như mồm chó” đang chờ đón bố mẹ tôi và gia đình tôi. Khi tôi trở về làng vào ngày cuối năm học lớp VII, cũng là những ngày mà đoàn cán bộ Phát Động Quần Cải Cách Ruộng đất đang hoạt động ở làng tôi.

Ngay sau khi bước vào nhà, chưa kịp hỏi han bố mẹ tôi một tiếng nào, thì một ông nông dân đã lù lù vào nhà yêu cầu tôi đi gặp cán bộ của đội phát động ngay. Trong buổi gặp gỡ đầu tiên với một cán bộ của đội, anh ta nói thẳng vào mặt tôi rằng:

- Thăng Quang (bố tôi) con Quán (mẹ tôi) sở dĩ có được sản nghiệp to lớn như ngày hôm nay là do chúng bóc lột lâu dài tận xương tận tủy nông dân trong làng. Việc học hành của anh đến lớp VII là do công lao của nông dân, chứ không phải của thằng Quang và con Quán. Do đó anh phải ý thức đứng đắn và dứt khoát biết ơn nông dân chứ không phải là thằng Quang và con Quán.

Sau khi đã cho tôi những bài học thấm thía, về mối tương quan giữa địa chủ và con cái, cũng như giữa nông dân và địa chủ, tên cán bộ gốc nông dân này khuyên tôi phải mau chóng đầu hàng giai cấp nông dân, và đứng hẳn về phía giai cấp vô sản để tố giác, hoặc khuyên bảo bố mẹ tôi không được ngoan cố nữa, và thành thật khai báo tất cả những nơi chôn giấu vàng bạc, châu báu, và mang chúng ra để trả nợ cho nông dân, có như thế mới được tha chết và mới nhận được lòng bao dung và khoan hồng của Đảng và Nhà Nước. Sau đó chúng tiếp tục giữ tôi tại đây với lý do là ngồi lại để “đào sâu và suy nghĩ”, mãi đến một giờ khuya mới cho về.

Trên đường từ trụ sở của đội phát động về nhà, bao nhiêu hình ảnh bác Hồ kính yêu và vĩ đại mà tôi đã tích lũy được trong gần 10 năm trời, cũng bao nhiêu lý thuyết Marxist và Leninist mà tôi đã được hấp thụ được

trong những tháng năm học hành gian khổ dưới những làn đạn đạo trong vùng kháng chiến, dường như đều bị tổng đuổi ra khỏi đầu tôi và tan biến theo làn gió lành lạnh ngược chiều.

Ít ngày sau đó, vì thấy rõ ràng rằng, nếu cứ tiếp tục “TRUNG với ĐẢNG và HIẾU với BÁC” thêm nữa, chẳng khác nào như người tử tù chờ ngày lên máy chém. Do đó, cả gia đình tôi đã cuốn gói ra khỏi làng, trốn về Hà Nội, mặc dù nơi đây đã được Việt Minh tiếp quản. Rồi từ đó lần mò tìm đường trốn về Hải Phòng qua ngã ga Phạm Xá để di cư vào miền Nam, chấm dứt những năm dài học hành vất vả và gian nan dưới những làn đạn đạo và dưới cái gọi là bóng cây đại thụ Hồ Chí Minh.